TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62 /2025/HNGĐ
Ngày 13/02/2025
Về việc tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuần

Bà Vũ Thị Thanh Hương

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọt - Thư ký Tòa án nhân dân quận B

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B*** *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Huyên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 616/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 13/01/2025 và thông báo mở lại phiên tòa ngày 03/02/2025, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Tứ M, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Cụm 13, xã T, huyện Đ, Thành phố H.

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

***Bị đơn**: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1976;

Địa chỉ: TDP Hoàng 20, phường C, quận B, Thành phố H.

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Tứ M:**

Ông Lưu Văn Q – Luật sư Văn phòng luật sư 365 – Đoàn Luật sư thành phố H.

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại đơn khởi kiện và lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Tứ M trình bày:***

Năm 1995, anh có tìm hiểu và đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị Y tại UBND xã Tân Lập, huyện Đ, thành phố H. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Anh chị sinh sống hạnh phúc đến khoảng năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân của mâu thuẫn là do anh chị sinh sống ngày càng không hiểu nhau và không cùng quan điểm sống, hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh chị đã được gia đình 2 bên động viên phân tích để đoàn tụ nhưng anh chị vẫn không thể đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung. Anh chị không chia sẻ được với nhau trong sinh hoạt cuộc sống vợ chồng và trong công việc dẫn đến không có tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, mỗi người một cuộc sống và không còn quan tâm đến nhau. Nay, anh xác định tình cảm của anh đối với chị Y không còn nên đề nghị tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn để giải phóng cho cả hai người.

Về con chung: Anh M xác định, vợ chồng anh có 03 con chung:

1. Nguyễn Thị Tứ A, sinh này 24/9/1995;
2. Nguyễn Bằng G, sinh ngày 23/7/1999;
3. Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 16/9/2008;

Đối với con chung là Nguyễn Thị Tứ Anh, Nguyễn Bằng Giang đã trưởng thành và không mất năng lực hành vi dân sự nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với con chung là Nguyễn Quỳnh Châu sinh ngày 16/9/2008 đang ở cùng chị Yến, anh đề nghị để chị Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng hàng tháng là 15 triệu đồng/tháng cho đến khi cháu Châu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nhà đất, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn là chị Nguyễn Thị Y trình bày:***

Thời gian kết hôn và sinh sống như anh M trình bày là đúng. Tuy nhiên, trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng không thể tránh khỏi những lúc cãi vã, bất đồng quan điểm sống, nhưng chị luôn vun vén, bao dung và cố gắng hòa giải để gia đình được hạnh phúc. Chị và anh M đã cùng nhau xây dựng công việc kinh doanh. Khi công việc ổn định thì chị lùi lại phía sau làm hậu phương lo lắng chuyện gia đình, đối nội, đối ngoại và chăm sóc các con để anh M yên tâm phát triển sự nghiệp. Cuộc sống gia đình chị hiện tại vẫn đang ổn định, các con đang hạnh phúc chị tự hào về gia đình của mình, do đó chị không đồng ý ly hôn. Chị đề nghị tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung.

Anh M có cung cấp đơn ly thân năm 2020 là do chính tự tay chị viết vì chị quá bức xúc với cuộc sống hôn nhân, trong sinh hoạt hàng ngày cũng có lúc chị quá ngột ngạt nhưng sau đó cả hai suy nghĩ lại nên vợ chồng vẫn chung sống từ đó đến nay.

Về con chung: Chị xác định, chị và anh M có 03 con chung là:

1. Nguyễn Thị Tứ A, sinh này 24/9/1995;
2. Nguyễn Bằng G, sinh ngày 23/7/1999;
3. Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 16/9/2008.

Đối với con chung là Nguyễn Thị T, Nguyễn Bằng G đã trưởng thành và không mất năng lực hành vi dân sự nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với con chung là Nguyễn Quỳnh C sinh ngày 16/9/2008 đang ở cùng chị nhưng chị

không đồng ý ly hôn nên chị không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, nhà đất, công nợ: Chị không đồng ý ly hôn nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Tứ M có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm về việc đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn, con chung, phần về tài sản, nhà đất chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt thay đổi ý kiến như sau:

Về tình cảm: Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị nhất trí với ý kiến của anh M về việc nuôi con chung cũng như cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung là Nguyễn Thị T, Nguyễn Bằng G đã trưởng thành và không mất năng lực hành vi dân sự nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với con chung là Nguyễn Quỳnh C sinh ngày 16/9/2008 đang ở cùng chị Y, chị Y sẽ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị đồng ý việc anh M cấp dưỡng nuôi con chung là 15 triệu đồng/tháng kể từ tháng 03/2025 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản, nhà đất, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKS tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và nội dung giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Toà án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thụ lý, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thực hiện đúng trình tự đưa vụ án ra xét xử, HĐXX, Thư ký Toà án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà HNGĐ sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh Minh, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Minh, chị Y đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Anh M và chị Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 02/3/1995 tại UBND xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hai bên đã tìm mọi cách để cải thiện quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh M xác định tình cảm không còn, đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với chị Y để chị ổn định cuộc sống. Chị Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng ý ly hôn với anh M nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh M. Anh M được ly hôn với chị Yến.

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung là:

1. Nguyễn Thị Tứ A, sinh này 24/9/1995;

2. Nguyễn Bằng G, sinh ngày 23/7/1999;

3. Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 16/9/2008.

Đối với các con chung là Nguyễn Thị Tứ A và Nguyễn Bằng G đã trưởng thành và không mất năng lực hành vi dân sự nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Đối với con chung là Nguyễn Quỳnh C: Đề nghị HĐXX giao cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh M cấp dưỡng hàng tháng là 15 triệu đồng/tháng kể từ tháng 03/2025 cho đến khi Nguyễn Quỳnh C đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- Về tài sản, nhà đất, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Anh M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có ý kiến trình bày: Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn giữa anh M và chị Y. Về con chung: Anh chị xác định anh chị có 03 con chung là:

1. Nguyễn Thị Tứ A, sinh này 24/9/1995;
2. Nguyễn Bằng G, sinh ngày 23/7/1999;
3. Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 16/9/2008.

Con chung là Nguyễn Thị Tứ A và Nguyễn Bằng G đã trưởng thành và không mất năng lực hành vi dân sự nên không đề nghị Tòa án giải quyết, đề nghị Tòa án giao con chung là Nguyễn Quỳnh C cho chị Y nuôi dưỡng, anh M cấp dưỡng hàng tháng là 15 triệu đồng/tháng kể từ tháng 03/2025 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Về tài sản, nhà đất, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Y cư trú tại TDP Hoàng 20, phường C, quận B, Thành phố H, anh M có đơn xin ly hôn với chị Yến, căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về tố tụng: Anh M, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh M, chị Y đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[3].Về nội dung: Anh M và chị Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 02/3/1995 tại UBND xã Tân Lập, huyện Đ, Thành phố H là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng thường xuyễn cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân, không

còn quan tâm đến nhau. Như vậy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh M và chị Y đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Anh M có đơn xin ly hôn, chị Y không đồng ý ly hôn. Nhưng theo đơn xin xét xử vắng mặt chị Y thay đổi ý kiến đồng ý ly hôn với anh M. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh M đối với chị Y là phù hợp với pháp luật và thực tế.

- Về con chung: Anh M và chị Y có 03 con chung là:

1. Nguyễn Thị Tứ A, sinh này 24/9/1995;

2. Nguyễn Bằng G, sinh ngày 23/7/1999;

3.Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 16/9/2008

Đối với các con chung là Nguyễn Thị Tứ A và Nguyễn Bằng G đã trưởng thành và không mất năng lực hành vi dân sự, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Đối với con chung là Nguyễn Quỳnh C: Anh Minh, chị Y thống nhất: Giao cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, anh M tự nguyện cấp dưỡng là 15 triệu đồng/tháng kể từ tháng 03/2025 cho đến khi con chung Nguyễn Quỳnh C đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên HĐXX ghi nhận.

Anh M có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản, nhà đất, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Anh M phải chịu toàn bộ án ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Tứ M đối với chị Nguyễn Thị Y. Anh M được ly hôn với chị Y.

2. Về con chung: Anh M và chị Y có 03 con chung là:

1. Nguyễn Thị Tứ A, sinh này 24/9/1995;

2. Nguyễn Bằng G, sinh ngày 23/7/1999;

3.Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 16/9/2008

Đối với các con chung là Nguyễn Thị Tứ A và Nguyễn Bằng G đã trưởng thành và không mất năng lực hành vi dân sự, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Đối với con chung là Nguyễn Quỳnh C: Giao cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, anh M tự nguyện cấp dưỡng là 15 triệu đồng/tháng kể từ tháng 03/2025 cho đến khi con chung Nguyễn Quỳnh C đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh M có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3.Về tài sản, nhà đất, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Tứ M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0075488 ngày 26/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Tứ M, chị Nguyễn Thị Y vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Đương sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Tuyết